

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN - CHẤT DẸO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN - CHẤT DẸO
(Điều lệ bổ sung, sửa đổi được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 27/3/2012)

Tháng 3/2012

MỤC LỤC

Phần mở đầu	3
Chương I - Quy định chung về công ty	
Điều 1. Tên, hình thức, trụ sở, các đơn vị phụ thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty	4
Điều 2. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty	5
Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý	5
Điều 4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty	5
Điều 5. Tư cách pháp nhân	5
Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của công ty	5
Chương II - Vốn điều lệ, cổ phần	
Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu	6
Điều 8. Tăng, giảm vốn điều lệ	7
Điều 9. Chứng chỉ cổ phần	7
Điều 10. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần	7
Điều 11. Mua lại cổ phần	8
Điều 12. Thu hồi cổ phần	9
Chương III - Cổ đông và đại hội đồng cổ đông	
Điều 13. Quyền hạn của cổ đông công ty	10
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông	10
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	12
Điều 18. Đại diện và đại diện được ủy quyền của cổ đông	13
Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp	13
Điều 20. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản	14
Điều 21. Phê chuẩn các nghị quyết bằng hình thức gửi văn bản	15
Chương IV - Hội đồng quản trị	
Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ	15
Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	17
Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị	18
Điều 25. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	18
Chương V - Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý Công ty	
Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý	19
Điều 27. Giám đốc Công ty	20
Điều 28. Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty	21
Điều 29. Nghĩa vụ của những người quản lý Công ty	21
Chương VI - Ban kiểm soát	
Điều 30. Thành viên Ban Kiểm soát	21
Điều 31. Hoạt động của Ban Kiểm soát	22



Chương VII - Hợp đồng vô hiệu và quyền điều tra sổ sách, hồ sơ công ty	
Điều 32. Hợp đồng vô hiệu	23
Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	23
Chương VIII - Tài chính - Lợi nhuận	
Điều 34. Năm tài chính	24
Điều 35. Phân phối lợi nhuận	24
Điều 36. Cổ tức	24
Điều 37. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	24
Chương IX - Tài khoản, hệ thống kế toán	
Điều 38. Tài khoản ngân hàng	24
Điều 39. Hệ thống kế toán	25
Chương X - Báo cáo thường niên và trách nhiệm công bố thông tin	
Điều 40. Báo cáo tài chính	25
Điều 41. Công bố công khai thông tin	25
Chương XI - Con dấu	
Điều 42. Sử dụng con dấu	25
Chương XII - Chấm dứt hoạt động	
Điều 43. Chấm dứt hoạt động	25
Chương XIII - Giải quyết tranh chấp nội bộ	
Điều 44. Giải quyết tranh chấp nội bộ	26
Chương XIV - Quy định về bảo mật thông tin	
Điều 45. Thông tin mật	26
Điều 46. Chế độ bảo mật thông tin	26
Chương XV - Sửa đổi điều lệ	
Điều 47. Bổ sung và sửa đổi điều lệ	27
Chương XVI - Hiệu lực thi hành	
Điều 48. Hiệu lực thi hành	27
Điều 49. Thời gian có hiệu lực	27

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 29 tháng 11 năm 2005.

Công ty cổ phần Sơn - Chất dẻo là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp và theo Quyết định số 3642/QĐ-BCN ngày 2 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Sơn Chất dẻo thành Công ty cổ phần Sơn - Chất dẻo, Quyết định số 581/QĐ-BCN ngày 13 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp sửa đổi khoản 4, khoản 6 Điều 1 của Quyết định số 3642/QĐ-BCN ngày 2 tháng 11 năm 2005 và Quyết định số 2160/QĐ-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công Thương điều chỉnh vốn điều lệ và sửa đổi cơ cấu vốn điều lệ của Công ty cổ phần Sơn - Chất dẻo tại thời điểm chuyển sang Công ty cổ phần.

Điều lệ này của Công ty cổ phần Sơn - Chất dẻo (dưới đây gọi là "Công ty") là cơ sở pháp lý để tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty.

Điều lệ sửa đổi này được Đại hội đồng cổ đông của công ty thông qua hợp lệ vào ngày 27 tháng 3 năm 2012.



CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CÔNG TY

Điều 1. Tên, hình thức, trụ sở, các đơn vị phụ thuộc và thời hạn hoạt động của Công ty.

1. Tên Công ty bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN - CHẤT DẸO
2. Tên tiếng Anh: PAINT & PLASTIC JOINT STOCK COMPANY
3. Tên viết tắt: PPC

4. Hình thức: Công ty cổ phần Sơn - Chất dẻo là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

5. Trụ sở đăng ký của Công ty tại thời điểm thông qua Điều lệ sửa đổi này:
- Trụ sở: 63 Bến Bình Đông, phường 11, quận 8, Tp. Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 08.39516889/39516898
 - Fax: 08.39516899
 - E-mail: ppjsc@hcm.vnn.vn
 - Website: www.ppc.com.vn
 - Biểu tượng (Logo):



6. Các đơn vị phụ thuộc tại thời điểm chuyển đổi thành công ty cổ phần:

1) Xí nghiệp Chất dẻo 2

- + Địa điểm: Lô H5 - H9 đường số 1 Khu CN Lê Minh Xuân, huyện Bình Chánh, Tp.HCM
- + Điện thoại: 08.7661874/7661955
- + Fax: 08.7661987
- + E-mail: xnchatdeo2@gmail.com

2) Xí nghiệp Chất dẻo 3

- + Địa điểm: 19/8 Thoại Ngọc Hầu, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Tp.HCM
- + Điện thoại: 08.9733467/9734708
- + Fax: 08.9733467
- + E-mail: xnchatdeo3@gmail.com

* Tùy theo tình hình, đặc điểm sản xuất kinh doanh, công ty có quyền thành lập thêm hoặc tổ chức lại các đơn vị phụ thuộc của mình theo đúng qui định pháp luật.

* Các mặt bằng khác công ty đang quản lý và sử dụng:

- Địa điểm : 64/8 đường Luỹ Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, Tp.HCM;

- Địa điểm : 743/19 đường Hồng Bàng, phường 6, quận 6, Tp.HCM;
- Địa điểm : 671/3 đường Hồng Bàng, phường 6, quận 6, Tp.HCM ;
- Địa điểm : 414/13 đường Trần Xuân Soạn, phường Tân Hưng, quận 7, Tp.HCM;

7. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 2. Mục tiêu và ngành nghề kinh doanh của Công ty.

1. Mục tiêu: sản xuất kinh doanh thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động trong công ty, bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu sơn, bao bì giấy và chất dẻo và các loại vật tư, nguyên liệu, máy móc thiết bị liên quan đến ngành sơn, bao bì giấy và chất dẻo.
- Kinh doanh nhà ở, in nhãn bao bì, dịch vụ kho bãi, cho thuê văn phòng.
- Kinh doanh các ngành nghề khác theo qui định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức quản lý.

1. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông.
- b) Hội đồng quản trị.
- c) Tổng giám đốc.
- d) Ban Kiểm soát.

2. Đại diện theo pháp luật của Công ty là Tổng giám đốc.

Điều 4. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty.

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và các qui định của Đảng Cộng sản VN.

Tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Công ty hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật.

Điều 5. Tư cách pháp nhân.

Công ty là một pháp nhân kinh tế có mục tiêu lợi nhuận, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hoàn toàn tự chủ, tự quản, tự định đoạt về mọi mặt.

Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ theo qui định của pháp luật, có con dấu và tài khoản riêng, chịu trách nhiệm hữu hạn về tài sản đối với các nghĩa vụ trong hợp đồng và nghĩa vụ ngoài hợp đồng.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Công ty.

Công ty là đơn vị kinh doanh tự chủ, tự quản về tổ chức, tài chính, quản lý, hoạt động và có quyền làm mọi việc mà pháp luật không cấm. Công ty có nghĩa vụ tuân thủ các qui định của pháp luật trong việc tổ chức và hoạt động của mình; thực hiện các nghĩa vụ với nhà nước theo qui định của pháp luật; tôn trọng cam kết với khách hàng và chịu trách nhiệm vật chất theo qui định của pháp luật .



CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu.

1. Tất cả các cổ phần do Công ty phát hành lần đầu đều là cổ phần phổ thông. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi, cổ phiếu phù hợp với qui định của pháp luật.

2. Vào ngày thông qua Điều lệ này, vốn điều lệ của Công ty là 44.000.000.000 đồng (Bốn mươi bốn tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 4.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng, trong đó:

- Cổ phần Nhà nước: 4.226.600 cổ phần, chiếm 96,06% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp: 168.600 cổ phần, chiếm 3,83% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán đấu giá công khai: 4.800 cổ phần, chiếm 0,11% vốn điều lệ.

3. Công ty chỉ có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua phù hợp với các qui định của pháp luật.

4. Công ty không được sử dụng vốn điều lệ để chia cho cổ đông dưới bất cứ hình thức nào.

5. Cổ phần phổ thông mới (phát hành lần 2 trở đi) sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty. Công ty phải thông qua việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào và thời hạn hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày), để cổ đông đặt mua. Mọi cổ phần không được cổ đông đặt mua hết sẽ chịu sự kiểm soát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể phân phối (hoặc tặng các quyền chọn mua) các cổ phần này cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là các cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Trung tâm giao dịch chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần của chính mình theo những cách thức được qui định trong Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan phù hợp với các thẩm quyền mà Đại hội đồng cổ đông đã cho phép theo qui định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại được giữ làm cổ phần ngân quỹ và có thể được Hội đồng quản trị chào bán theo hình thức được Đại hội đồng cổ đông cho phép và phù hợp với qui định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hội đồng quản trị cũng có thể trích từ cổ phần ngân quỹ một tỷ lệ để dùng làm cổ phần thưởng. Mức trích và đối tượng được nhận cổ phần thưởng do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng trường hợp cụ thể.

7. Công ty có thể phát hành trái phiếu công ty để vay vốn dài hạn theo cách thức phù hợp qui định của pháp luật.



Điều 8. Tăng, giảm vốn điều lệ.

1. Đại hội đồng cổ đông Công ty có thể quyết định tăng vốn điều lệ nếu thấy cần cho việc mở rộng qui mô đầu tư, kinh doanh hoặc có thể quyết định giảm vốn điều lệ nếu thấy cần thu hẹp qui mô kinh doanh khi hoạt động kém hiệu quả.

2. Việc tăng vốn điều lệ có thể bằng cách:

- a) Phát hành cổ phiếu mới;
- b) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. Việc giảm vốn điều lệ có thể bằng cách:

- a) Thu hồi một phần cổ phiếu đang lưu hành theo tỷ lệ tương ứng;
- b) Thay đổi mệnh giá cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ giảm vốn;
- c) Các hình thức khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 9. Chứng chỉ cổ phần.

1. Mọi cổ đông đều có quyền được cấp một chứng chỉ ghi nhận một hoặc một số cổ phần nhất định và gọi là cổ phiếu.

2. Mọi cổ phiếu phát hành phải được đóng dấu Công ty và có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các qui định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ này nêu rõ số lượng và loại cổ phần có liên quan, số tiền đã thanh toán, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác mà Luật Doanh nghiệp qui định.

3. Theo các qui định của Điều lệ này, bất kỳ người nào có tên ghi trong sổ đăng ký cổ đông liên quan đến một cổ phần thuộc bất kỳ loại nào sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ (trong trường hợp phát hành) trong vòng hai tháng (hoặc thời hạn lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc chuyển nhượng (trong trường hợp chuyển nhượng).

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và một chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Nếu một cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy thì một cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ theo yêu cầu của người đó với điều kiện phải xuất trình giấy tờ chứng minh và trả cho Công ty mọi chi phí liên quan đến việc phát hành chứng chỉ mới.

6. Người sở hữu cổ phiếu vô danh phải chịu trách nhiệm độc lập về việc bảo quản chứng chỉ và Công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong mọi trường hợp những chứng chỉ này bị mất cắp hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo.

Điều 10. Chuyển nhượng, thừa kế cổ phần.

1. Tất cả các cổ phần phổ thông do công ty phát hành đều có thể được tự do chuyển nhượng.



2. Việc chuyển nhượng cổ phần có thể thực hiện thông qua hình thức chuyển nhượng bằng văn bản theo mẫu do Hội đồng quản trị qui định. Giấy tờ chuyển nhượng được ký bởi người chuyển nhượng hoặc người thay mặt bên chuyển nhượng (trừ trường hợp cổ phiếu chưa được thanh toán đầy đủ). Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên của người nhận chuyển nhượng được ghi vào sổ đăng ký cổ đông, trừ trường hợp bên chuyển nhượng uỷ quyền cho bên nhận chuyển nhượng tham dự đại hội cổ đông diễn ra trong thời gian đó theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

3. Việc chuyển nhượng Cổ phần chỉ được xem là hoàn tất sau khi các chi tiết liên quan đến người được chuyển nhượng đã được ghi chép vào sổ Đăng ký Cổ đông theo như quy định tại Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị hoàn toàn có quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng bất kỳ cổ phiếu ghi danh nào, nếu chưa được thanh toán đầy đủ.

5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải toả tài sản của cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó nắm giữ.

6. Ba mươi ngày (30) trước ngày tiến hành Đại hội đồng cổ đông, cổ đông không được chuyển nhượng cổ phần.

7. Cổ phiếu, trái phiếu của Công ty có thể được chuyển nhượng qua thị trường chứng khoán theo các thủ tục và phương thức do pháp luật về thị trường chứng khoán qui định.

Điều 11. Mua lại cổ phần.

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

a) Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông qui định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng từng loại cổ phần, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải gửi đến Công ty trong vòng 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định các vấn đề nêu tại khoản này.

b) Công ty phải mua lại cổ phần của cổ đông qui định tại Điểm 1.a) nêu trên theo giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Nếu không thoả thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

a) Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã phát hành theo nguyên tắc: nếu mua quá 10% phải do Đại hội đồng cổ đông quyết định, còn mua lại không quá 10% do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Giá mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua.



c) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải thông báo cho tất cả cổ đông trong vòng không quá 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua với tỷ lệ mua như nhau trên số cổ phần họ sở hữu. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình đến công ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

d) Công ty chỉ được thanh toán số cổ phần mua lại nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại Công ty vẫn bảo đảm trả đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác. Nếu việc thanh toán này làm giảm hơn 10% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong sổ kế toán thì Công ty phải thông báo tình trạng này cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 12. Thu hồi cổ phần.

1. Cổ đông nào không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi một thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cộng thêm lãi suất được tính lũy kế trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc chậm thanh toán này gây ra cho Công ty.

2. Thông báo nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo) và địa điểm thanh toán và phải nêu rõ rằng trong trường hợp không thanh toán đúng yêu cầu, cổ phần chưa thanh toán hết đó sẽ bị thu hồi.

3. Nếu cổ đông không thực hiện đúng yêu cầu nêu trong thông báo nói ở Khoản 1, Khoản 2 của Điều 12 này thì Hội đồng quản trị sẽ thu hồi các cổ phần đã không thanh toán đủ và đúng hạn. Việc thu hồi bao gồm cả cổ tức đã công bố nhưng chưa chi trả cho đến thời điểm bị thu hồi.

4. Việc thu hồi cổ phần được thực hiện như sau :

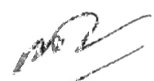
a) Cổ phần thu hồi trở thành tài sản công ty và có thể được Hội đồng quản trị quyết định bán hoặc xử lý theo điều kiện và cách thức phù hợp cho chính người có cổ phần bị thu hồi hoặc cho người khác.

b) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi bị tước tư cách cổ đông đối với số cổ phần bị thu hồi nhưng vẫn phải trả cho công ty các khoản lãi và chi phí có liên quan đến cổ phần bị thu hồi tính đến ngày bị thu hồi, kể cả lãi phát sinh cho đến thời điểm thực tế đã thanh toán xong với mức lãi suất bằng lãi suất tiền vay của ngân hàng tại thời điểm thanh toán.

Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định cưỡng chế việc thanh toán theo qui định trên đây hoặc cho miễn giảm một phần hay toàn bộ số tiền đó.

Việc loại bỏ tư cách cổ đông của cổ đông phải được thực hiện bằng một quyết định của Hội đồng quản trị gửi cho cổ đông đó và cho những người có liên quan.

c) Trước khi tiến hành thu hồi cổ phần, công ty phải gửi thông báo cho người có cổ phần bị thu hồi, nhưng nếu có bỏ sót hay bất cẩn trong việc gửi thông báo thì quyết định thu hồi vẫn có đầy đủ hiệu lực pháp lý.



Điều 13. Quyền hạn của cổ đông Công ty.

1. Cổ đông là những người chủ sở hữu của Công ty và có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm của mỗi cổ đông được giới hạn theo tỷ lệ cổ phần mà cổ đông nắm giữ.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền tham dự và phát biểu trong Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền.

3. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Nhận cổ tức.
- b) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
- d) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia vào Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- đ) Trong trường hợp Công ty bị giải thể, được nhận tài sản của Công ty tương ứng với tỷ lệ cổ phần sở hữu, nhưng chỉ sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và các nghĩa vụ và sau các cổ đông ưu đãi.
- e) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ theo các trường hợp qui định tại Điểm a) Khoản 1 Điều 11.
- g) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

4. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

- a) Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát theo quy định tại các Khoản 3 Điều 22 và Khoản 2 Điều 30 tương ứng.
- b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông.
- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
- d) Các quyền khác được qui định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

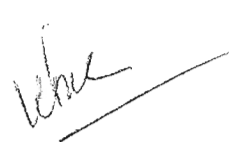
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông.

Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- a) Tuân thủ Điều lệ Công ty và các qui chế; các quyết định của Hội đồng quản trị và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- b) Thanh toán tiền mua cổ phần theo số lượng cổ phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục qui định.
- c) Hoàn thành các nghĩa vụ khác được pháp luật và bản Điều lệ này qui định.

Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông.

1. Sổ đăng ký cổ đông phải ghi đầy đủ nội dung tổng số cổ phần và loại cổ phần được quyền chào bán; tổng số cổ phần đã bán và giá trị vốn cổ phần đã góp; tên và địa chỉ của cổ đông và số cổ phần mà họ sở hữu.



2. Sổ đăng ký cổ đông phải lập ngay sau khi Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và phải lưu giữ tại trụ sở Công ty và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và các cổ đông nơi lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên do Hội đồng quản trị triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do Hội đồng quản trị qui định tùy từng thời điểm. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này qui định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty đã được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường phải được triệu tập trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy.

b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn điều lệ đã bị mất một nửa.

c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp qui định hoặc ít hơn một nửa số thành viên qui định trong Điều lệ.

d) Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông qui định tại Khoản 4 Điều 13 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập đại hội bằng một văn bản kiến nghị nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan.

e) Ban Kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm soát có lý do tin rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc bộ máy quản lý công ty vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo *Điều 119 của Luật Doanh nghiệp* hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

4. Qui định về Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu nêu tại Điểm 3d hoặc Điểm 3đ trên đây.

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông đúng qui định tại Điểm 4a nêu trên, Ban Kiểm soát sẽ phải triệu tập cuộc họp trong vòng 10 ngày.

c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp đúng qui định tại khoản 4b nêu trên, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại Điểm 3d của Điều lệ này có thể triệu tập cuộc họp các cổ đông trong vòng 7 ngày.

d) Tất cả các chi phí triệu tập và tiến hành một cuộc họp các cổ đông sẽ do Công ty trả. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1. Đại hội đồng cổ đông thành lập sẽ thảo luận và thông qua các nội dung sau:

- Thông qua Điều lệ công ty cổ phần;
- Bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Quyết định mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các nội dung sau:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm.
- b) Báo cáo của Ban Kiểm soát về tình hình Công ty.
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị.
- d) Báo cáo của các kiểm toán viên.
- e) Định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường có quyền ra các quyết định bằng cách thông qua nghị quyết về các nội dung sau:

- a) Phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm.
- b) Mức cổ tức được thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó với điều kiện là mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- đ) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo về tiền thù lao của Hội đồng quản trị.
- e) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.
- g) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần.
- h) Tổ chức lại công ty, gia hạn thời hạn hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản. .
- i) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.
- k) Giao dịch bán tài sản của Công ty hoặc hoặc giao dịch mua do Công ty thực hiện có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
- l) Công ty mua hoặc mua lại hơn 10% cổ phần thuộc bất kỳ loại nào đang phát hành.
- m) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 87.1 của Luật Doanh nghiệp có giá trị lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.

4. Cổ đông sẽ không được bỏ phiếu để thông qua nghị quyết trong các trường hợp sau:

- a) Các hợp đồng quy định tại Điều 32 nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.

5. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết thông qua nghị quyết về các nội dung được đưa vào chương trình họp.

Điều 18. Đại diện được uỷ quyền của cổ đông.

1. Cổ đông trực tiếp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thông qua người đại diện hợp pháp của mình.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể cử người đại diện được uỷ quyền để thực hiện tư cách cổ đông. Việc uỷ quyền phải lập thành văn bản theo mẫu qui định.

3. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền sẽ có hiệu lực, ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:

- Chết hoặc không có khả năng tự chủ hành vi;
- Hủy bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- Hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Tuy nhiên điều này sẽ không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nói trên *chậm nhất 24 giờ* trước cuộc họp hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 19. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp.

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông trừ các trường hợp qui định khác.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

a) Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và có quyền biểu quyết trong vòng 30 ngày trước ngày bắt đầu Đại hội, chương trình họp và các tài liệu có liên quan;

b) Xác định thời gian và địa điểm họp Đại hội;

c) Gửi thông báo về Đại hội và giấy mời cho cổ đông trước ngày khai mạc 7 ngày.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 13 có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 3 ngày trước khi bắt đầu Đại hội. Đề xuất phải bao gồm: họ và tên của cổ đông; số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập Đại hội chỉ được quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 của Điều này, nếu:

- Đề xuất không được gửi đúng hạn;
- Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên;
- Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết;
- Đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua nghị quyết.

5. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết.

Điều 20. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông và lập biên bản.

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ được coi là hợp lệ khi thoả mãn các điều kiện qui định tại Điều 102 Luật Doanh nghiệp và được thể hiện ở Khoản 5 Điều 20 của Điều lệ này.

2. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, hoặc một người khác do Đại hội bầu ra nếu Chủ tịch đi vắng.

3. Trừ trường hợp qui định tại Khoản 4 Điều này, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi đạt được sự chấp thuận của số cổ đông, đại diện cổ đông sở hữu ít nhất 65% tổng số phần có quyền biểu quyết.

4. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ; loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán; tổ chức lại công ty, gia hạn thời hạn hoạt động, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty sẽ được thông qua khi đạt được sự chấp thuận của số cổ đông, đại diện cổ đông sở hữu ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Trong Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại cần có số thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Khi Đại hội lần thứ hai không có đủ số đại biểu cần thiết, trong vòng 30 phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, một Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần thứ hai và trong Đại hội lần này bất kỳ số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền nào tham dự cũng đều hợp lệ và đều có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn một cách hợp lệ.

6. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

7. Khi đăng ký cổ đông tham dự Đại hội, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông, đại diện cổ đông được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên mỗi Thẻ biểu quyết có ghi tên của cổ đông, mã số cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó.

8. Việc biểu quyết tại Đại hội sẽ được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết theo trình tự biểu quyết tán thành trước và biểu quyết phản đối sau. Đại hội uỷ quyền cho Chủ tọa chọn trong số đại biểu một vài người chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc biểu quyết này.



9. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

10. Quyết định của chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

11. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải tuân thủ đúng *Điều 106* của Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Phê chuẩn các nghị quyết bằng hình thức gửi văn bản.

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể được các cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thông qua bằng văn bản theo các thủ tục qui định tại Khoản 2 của Điều này.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây để các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức gửi văn bản:

a) Thảo luận và quyết định các vấn đề cần xem xét, lấy ý kiến của Đại hội đồng cổ đông và phương án biểu quyết.

b) Gửi phiếu bầu và tất cả các văn bản cần thiết cho tất cả các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông để các cổ đông này có đầy đủ thông tin có thể ra các quyết định.

c) Kiểm phiếu và thông báo kết quả bỏ phiếu trong vòng 15 ngày tính từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

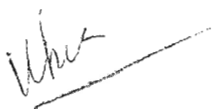
3. Nghị quyết được thông qua bằng hình thức gửi văn bản có giá trị tương đương các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ các vấn đề được qui định tại Khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này.

CHƯƠNG IV HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 22. Thành phần và nhiệm kỳ.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan tới mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Số thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có không ít hơn ba thành viên, không quá 11 thành viên. Người trúng cử Hội đồng quản trị phải đạt số phiếu hợp lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp, thông qua hình thức bỏ phiếu kín; nếu nhiều người đạt số phiếu lớn hơn 65% thì lấy từ cao xuống thấp để bảo đảm số thành viên Hội đồng quản trị được bầu không quá 11 thành viên. Nếu kết quả bầu cử ít hơn số người qui định thì Đại hội có thể chấp nhận Hội đồng quản trị chỉ gồm số đã được bầu, nếu số đó không ít hơn ba thành viên.



Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 5 năm và được bầu lại tại Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ tiếp theo. Khi Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ, nếu chưa tổ chức được Đại hội đồng cổ đông thì Hội đồng quản trị tiếp tục hoạt động cho đến khi Đại hội đồng cổ đông bầu Hội đồng quản trị mới.

Cổ đông là pháp nhân cử đại diện tham gia Hội đồng quản trị khi muốn thay đổi thành viên Hội đồng quản trị đại diện cho mình phải gửi văn bản thông báo cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ tiến hành thủ tục lấy ý kiến biểu quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức văn bản. Sự thay thế có hiệu lực ngay khi Hội đồng quản trị công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị.

Những người đại diện phần vốn của Tập đoàn Hóa chất VN tham gia Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có thể được Tập đoàn Hóa chất VN thay thế bất cứ lúc nào. Căn cứ văn bản thông báo của Tập đoàn Hóa chất VN, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành thủ tục lấy ý kiến biểu quyết chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức văn bản. Sự thay thế có hiệu lực ngay khi Hội đồng quản trị công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về việc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

3. Quyền đề cử

a) Mỗi cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị. Những cổ đông sở hữu ít hơn 10% số cổ phần phổ thông có quyền gộp số phiếu biểu quyết đủ 10% để đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10 đến dưới 30% số cổ phần phổ thông được quyền đề cử 01 người; sở hữu từ 30 đến dưới 50% được quyền đề cử 02 người; sở hữu từ 50% đến dưới 70% được quyền đề cử 03 người; sở hữu từ 70% đến dưới 90% được quyền đề cử 04 người, sở hữu trên 90% được quyền đề cử 05 người.

4. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

4.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng những điều kiện sau:

a) Có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp để hoàn thành nghĩa vụ xây dựng và phát triển Công ty;

b) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

c) Không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định tại Luật Doanh nghiệp;

4.2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý khác trong Công ty, trừ việc kiêm nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.

4.3. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Thành viên đó xin từ chức bằng văn bản;

c) Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần hoặc bị mất năng lực hành vi;

d) Thành viên đó vắng mặt không dự các cuộc họp Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị;

e) Thành viên đó bị cách chức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược phát triển của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- e) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty;
- f) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người đại diện của Công ty tại các doanh nghiệp khác có vốn góp của Công ty. Quyết định mức lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc;
- g) Đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;
- h) Ban hành qui chế hoạt động của Hội đồng quản trị, qui chế điều hành của Tổng giám đốc. Quyết định cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ Công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, đơn vị phụ thuộc, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- j) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- k) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thực hiện các thủ tục hỏi ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m) Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại;
- n) Kiến nghị việc tổ chức lại Công ty như chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức Công ty, gia hạn thời hạn hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản;
- o) Tổ chức việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu theo đúng kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- p) Quyết định cơ chế tiền lương, phụ cấp, thưởng phạt và chế độ phúc lợi trong Công ty trên cơ sở các qui định pháp luật. Phê duyệt phương án tổ chức của Công ty và những điều chỉnh khác khi cần thiết;
- q) Quyết định việc sử dụng vốn dư thừa tạm thời nhận rồi dưới các hình thức mua trái phiếu, cổ phiếu của công ty khác;
- r) Đại diện cho Công ty giải quyết việc kiện tụng hoặc tranh chấp giữa các cổ đông

2. Hội đồng quản trị phải nộp báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, trong đó có việc giám sát đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trong đó, việc đánh giá báo cáo tài chính hàng năm của Công ty là một nội dung bắt buộc để trình Đại hội đồng cổ đông. Nếu báo cáo tài chính

chưa được Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá bằng văn bản thì bị coi là không có giá trị.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao theo mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng số tiền thù lao trả cho thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán chi phí đi lại, ăn ở và các chi phí hợp lý khác mà họ đã phải trả khi thực hiện chức trách thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 24. Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số thành viên của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể Tổng Giám đốc công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu Chủ tịch vắng mặt thì Hội đồng quản trị có thể bầu một thành viên khác để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn thì Hội đồng quản trị phải bầu một trong các thành viên thay thế trong thời hạn 10 ngày.

5. Chức trách, nhiệm vụ cụ thể của các thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị phân công và qui định.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Các trường hợp quy định tại Điểm 4.3, Điều 22 của Điều lệ này;
- b) Khi có trên 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết miễn nhiệm;

Điều 25. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

1. Các cuộc họp thường kỳ

Hội đồng quản trị họp định kỳ 3 tháng một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp Hội đồng bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý một lần và phải lập chương trình, thời gian, địa điểm họp ít nhất 7 ngày trước ngày họp dự kiến.

2. Cuộc họp bất thường

a) Trong vòng hai tuần kể từ khi nhận được văn bản đề nghị về mục đích cuộc họp và vấn đề cần bàn của một trong các đối tượng sau đây, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

- ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị;
- Tổng Giám đốc Công ty;
- Trưởng ban kiểm soát.

Nếu Chủ tịch không chấp thuận triệu tập cuộc họp thì những người đề xuất cuộc họp nói trên có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.



b) Theo yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

3. Thông báo về chương trình họp

Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị 07 ngày trước khi tổ chức.

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải làm thành văn bản có nói rõ chương trình, thời gian, địa điểm họp và phải kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn và biểu quyết tại cuộc họp, và nếu có thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp thì phải gửi kèm cả phiếu bầu.

4. Cuộc họp chỉ có thể tiến hành và thông qua nghị quyết khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

5. Các phiên họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị thay thế.

6. Nguyên tắc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị hoạt động theo nguyên tắc bàn bạc tập thể và biểu quyết lấy ý kiến. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua theo nguyên tắc đa số tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc chủ tọa phiên họp nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt.

b) Hội đồng quản trị thông qua Biên bản tại phiên họp và được các thành viên có mặt nhất trí ký vào. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất trí với các quyết định trong Biên bản cuộc họp có quyền bảo lưu ý kiến.

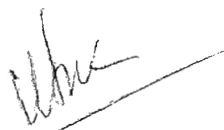
c) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể lấy phê chuẩn của Hội đồng quản trị mà không cần triệu tập cuộc họp bằng cách gửi văn bản thông báo và nội dung nghị sự cần phê chuẩn đến địa chỉ tất cả các thành viên Hội đồng quản trị. Khi hết thời hạn ghi trong thông báo (không ít hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo và tài liệu của Chủ tịch Hội đồng quản trị), thành viên đó phải thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu quá thời hạn nêu trên mà thành viên đó không gửi văn bản thông báo ý kiến của mình cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thì coi như đã chấp nhận nội dung cần phê chuẩn.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền họp lệ thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định thông báo các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG V GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 26. Tổ chức bộ máy quản lý.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức bộ máy quản lý Công ty bao gồm Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty và các cán bộ quản lý.



Điều 27. Tổng giám đốc Công ty.

1. Tổng giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc tuyển dụng và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 5 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tổng giám đốc công ty phải có đủ các tiêu chuẩn sau:

a) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị doanh nghiệp hoặc chuyên ngành phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

b) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc các trường hợp bị cấm quản lý doanh nghiệp theo qui định tại Luật Doanh nghiệp.

c) Không kiêm nhiệm bất cứ một chức vụ quản lý điều hành nào tại các cơ quan quản lý Nhà nước và các tổ chức kinh tế khác.

3. Tổng giám đốc công ty có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổng giám đốc công ty có quyền từ chối thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị nếu các quyết định này trái với pháp luật và Điều lệ Công ty. Khi từ chối thực hiện, Tổng giám đốc công ty có trách nhiệm thông báo ngay cho Ban Kiểm soát;

d) Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, qui chế quản lý nội bộ của Công ty;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với người nắm giữ các chức danh quản lý trong Công ty hoặc người lao động (trừ những người thuộc quyền bổ nhiệm và bãi miễn của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị) nếu họ không đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh hoặc vi phạm nội qui, qui chế hoạt động của Công ty;

f) Quyết định lương và phụ cấp của các cán bộ quản lý thuộc quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc công ty và người lao động trong Công ty;

g) Bảo toàn và phát triển vốn theo phương án kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;

h) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

i) Định kỳ 3 (ba) tháng một lần, Tổng giám đốc công ty báo cáo mọi hoạt động của Công ty với Hội đồng quản trị bằng văn bản, đề xuất những vấn đề cần phải giải quyết để Hội đồng quản trị bàn bạc quyết định;

j) Tổng giám đốc công ty có quyền yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập Hội đồng quản trị họp bất thường để giải quyết công việc khẩn cấp của Công ty. Khi yêu cầu triệu tập cuộc họp bất thường trên đây, Tổng giám đốc công ty phải thông báo nội dung, chương trình nghị sự dự kiến cần giải quyết tại cuộc họp;

k) Trường hợp Tổng giám đốc công ty không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có thể được mời tham dự một số phiên họp Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết;

l) Tổng giám đốc công ty bị miễn nhiệm, cách chức hoặc chịu hình thức kỷ luật trong trường hợp không hoàn thành chỉ tiêu, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh do Hội đồng



quản trị đề ra, hoặc do vi phạm nghiêm trọng các nguyên tắc tài chính, kế toán của Công ty, pháp luật hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của Công ty.

Điều 28. Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Thư ký Công ty.

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm, quyết định mức lương và các lợi ích khác của các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc công ty. Các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo của Tổng giám đốc công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng được thực hiện theo đúng Luật kế toán và các qui định của nhà nước về công tác kế toán.

2. Hội đồng quản trị chỉ định một thư ký Công ty để thực hiện vai trò và nhiệm vụ sau đây:

- a) Tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Trưởng ban Kiểm soát;
- b) Làm biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

Điều 29. Nghĩa vụ của những người quản lý Công ty.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty và các cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có các nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích Công ty và cổ đông của Công ty;

2. Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn được giao, sử dụng tài sản của công ty để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được đem tài sản của công ty cho người khác, không được tiết lộ bí mật của công ty - trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận;

3. Khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

- a) Phải thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả các chủ nợ biết;
- b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên, kể cả người quản lý;
- c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do mình không thực hiện đúng các nghĩa vụ nêu trên;
- d) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty;
- đ) Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này qui định.

**CHƯƠNG VI
BAN KIỂM SOÁT**

Điều 30. Thành viên Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát có 3 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, phải đạt số phiếu hợp lệ ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp, thông qua hình thức bỏ phiếu kín; nếu nhiều người đạt số phiếu lớn hơn 65% thì lấy từ cao xuống thấp để đủ số

thành viên Ban Kiểm soát được bầu là 03 người, trong đó ít nhất có một người có chuyên môn nghiệp vụ về kế toán.

2. Cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục từ sáu tháng trở lên có quyền đề cử một ứng viên vào Ban Kiểm soát.

3. Thành viên Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty, Phó Tổng Giám đốc công ty, Kế toán trưởng, Giám đốc các Xí nghiệp phụ thuộc.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật, am hiểu về hoạt động kinh doanh và tổ chức quản lý Công ty; có khả năng phân tích, đánh giá hoạt động mọi mặt của Công ty để đề xuất các giải pháp điều chỉnh, ngăn ngừa các sai phạm và giao dịch bất hợp pháp.

5. Thành viên Ban Kiểm soát sẽ mất tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Không đáp ứng được yêu cầu quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Bị mất năng lực hành vi;
- c) Xin từ chức bằng văn bản và được Đại hội đồng cổ đông gần nhất chấp thuận;
- d) Bị Đại hội đồng cổ đông cách chức.

Điều 31. Hoạt động của Ban Kiểm soát.

1. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 5 năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính.

b) Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông qui định tại khoản 4, Điều 13 của Điều lệ này.

c) Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của Công ty; tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

đ) Kiến nghị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của Công ty.

e) Các quyền và nhiệm vụ khác theo qui định của pháp luật.

3. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban Kiểm soát có các quyền hạn và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập họp Ban Kiểm soát và hoạt động với tư cách Trưởng ban Kiểm soát;

b) Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để thực thi chức trách của Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký các báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

d) Được mời tham gia các phiên họp Hội đồng quản trị. Trong các phiên họp này được thảo luận, chất vấn nhưng không được quyền biểu quyết.

4. Ban Kiểm soát quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của mình, bảo đảm mỗi năm ít nhất họp hai lần và số lượng thành viên mỗi cuộc họp ít nhất là hai người.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty và các cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin và tài liệu có liên quan đến hoạt động của Công ty cho Ban Kiểm soát.

6. Trưởng ban Kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng mức thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VII

HỢP ĐỒNG VÔ HIỆU VÀ QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 32. Hợp đồng vô hiệu.

Hợp đồng vô hiệu là các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công ty ký với các đối tượng:

- Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, những người quản lý công ty
- Cổ đông sở hữu từ 35% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết
- Những người có liên quan về mặt pháp lý với hai đối tượng nêu trên và vi phạm các điều kiện sau:

a) Hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty ký kết trước khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

b) Hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản ghi trong sổ kế toán của Công ty ký kết trước khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.

c) Các đối tượng nêu trên là một bên ký các hợp đồng này tham gia biểu quyết trong các cuộc họp xem xét việc chấp thuận nói ở khoản a và b Điều 32 này.

Điều 33. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại khoản 4 Điều 13 có quyền gửi văn bản yêu cầu kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm trụ sở chính của Công ty danh sách các cổ đông, biên bản Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp Hội đồng quản trị và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc công ty và các cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Công ty vì mục đích liên quan tới chức trách của mình.

3. Điều lệ Công ty và các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các qui chế, tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội



đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo qui định của pháp luật phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và phải được thông báo điều này cho các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh.

CHƯƠNG VIII TÀI CHÍNH - LỢI NHUẬN

Điều 34. Năm tài chính.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 mỗi năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 35. Phân phối lợi nhuận.

Kết thúc năm tài chính, căn cứ phương án đệ trình của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định việc chi trả cổ tức và trích lập các quỹ công ty từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty, sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo qui định của pháp luật.

Điều 36. Cổ tức.

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chia cổ tức từ lợi nhuận giữ lại của Công ty sau khi đã quyết toán thuế của năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc bằng những tài sản cụ thể (cổ phiếu, trái phiếu do Công ty phát hành).

4. Cổ tức được chi trả bằng tiền phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam, séc hoặc lệnh trả tiền qua bưu điện.

5. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết qui định ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty để xác định mốc thời gian cho các cổ đông hoặc người sở hữu chứng khoán của Công ty được quyền nhận cổ tức, lãi suất, lợi nhuận được phân chia, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Điều 37. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất để Đại hội đồng cổ đông quyết định trích tối đa năm phần trăm (5%) lợi nhuận giữ lại của Công ty vào Quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ.

CHƯƠNG IX TÀI KHOẢN, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 38. Tài khoản ngân hàng.

1. Công ty mở tài khoản tại ngân hàng Việt Nam hoặc tại ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán của Công ty đều phải thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ ở các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 39. Hệ thống kế toán.

1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS).
2. Đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ dùng trong hệ thống kế toán của Công ty.

CHƯƠNG X

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 40. Báo cáo tài chính.

1. Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty phải được lập một cách hợp lệ và phải được kiểm tra bởi Ban Kiểm soát, sự phê duyệt của Hội đồng quản trị trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

2. Báo cáo tài chính của Công ty phải được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông và được nộp cho các cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính.

3. Báo cáo tài chính phải được một công ty kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán.

Điều 41. Công bố công khai thông tin.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán phải được gửi tới các cổ đông và được công khai theo qui định của pháp luật.

CHƯƠNG XI

CON DẤU

Điều 42. Sử dụng con dấu.

1. Con dấu của công ty được khắc theo qui định của pháp luật.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc công ty sử dụng và quản lý con dấu theo qui định của pháp luật và qui chế quản lý nội bộ công ty.

CHƯƠNG XII

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG

Điều 43. Chấm dứt hoạt động.

Công ty có thể giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
+ Kết thúc thời hạn hoạt động của công ty ghi tại Khoản 7 Điều 1 mà không có quyết định gia hạn;

+ Giải thể trước thời hạn, kể cả sau khi đã gia hạn, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

+ Bị tuyên bố phá sản theo qui định của pháp luật.

Thủ tục giải thể Công ty phải được thực hiện theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật.

CHƯƠNG XIII GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 44. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan đến hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông, giữa cổ đông với Công ty hoặc giữa cổ đông với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc công ty, Ban Kiểm soát thì các bên liên quan cố gắng giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải. Nếu tranh chấp không liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp; nếu tranh chấp liên quan đến Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị thì có thể lựa chọn một chuyên gia độc lập làm trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu việc thương lượng và hoà giải không thành thì trong vòng sáu tuần kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc quyết định hoà giải không được các bên chấp nhận thì có thể đưa tranh chấp ra giải quyết tại toà án.

CHƯƠNG XIV QUY ĐỊNH VỀ BẢO MẬT THÔNG TIN

Điều 45. Thông tin mật.

Thông tin mật của Công ty là những thông tin về vụ việc, tài liệu, vật, địa điểm, thời gian, có tính chất quan trọng, liên quan đến chiến lược, kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty mà không được công bố rộng rãi ra công chúng. Những thông tin này có thể được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau: tài liệu, giấy tờ, hồ sơ, dữ liệu điện tử, lời nói....., bao gồm:

1) Các bí mật thương mại hoặc thông tin mật, công nghệ, bí quyết, kỹ thuật, kiểu dáng thiết kế, phương pháp và các thông tin khác được cho là quan trọng theo sự xác định của Hội đồng quản trị vào từng thời điểm;

2) Chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty;

3) Thông tin về những rủi ro đáng kể ảnh hưởng đến hoạt động mà Công ty có thể dự báo trước như rủi ro về lãi suất hoặc rủi ro về ngoại hối đối với các khoản nợ hoặc khoản vay của Công ty; rủi ro liên quan đến hoạt động chứng khoán; rủi ro liên quan đến các trách nhiệm về môi trường.

Điều 46. Chế độ bảo mật thông tin.

Nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Hội đồng quản trị, không một ai trong số các thành viên Hội đồng quản trị, các cán bộ quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, các



1. Với các cổ đông ở mức độ được phép theo Điều lệ này hoặc theo quy định khác của Đại hội đồng cổ đông;

2. Với các đơn vị phụ thuộc, chi nhánh, công ty con của Công ty; các cấp quản lý và các nhân viên của Công ty hoặc với các kiểm toán viên của Công ty hoặc với các cố vấn chuyên môn trong phạm vi mà họ cần phải biết để thực thi các nghĩa vụ của mình khi các nghĩa vụ này có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;

3. Với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu;

4. Những thông tin bắt buộc phải công khai khi Công ty tham gia thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XV SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 47. Bổ sung và sửa đổi điều lệ.

Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

CHƯƠNG XVI HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 48. Hiệu lực thi hành.

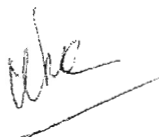
Những qui định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc những qui định pháp luật mới ban hành khác với những điều khoản trong Điều lệ này đương nhiên có hiệu lực, phải được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 49. Thời gian có hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 16 Chương, 49 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thành lập của Công ty Cổ phần Sơn - Chất dẻo thông qua ngày 27 tháng 5 năm 2006 tại thành phố Hồ Chí Minh, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 của công ty sửa đổi, bổ sung và thông qua hợp lệ vào ngày 27 tháng 3 năm 2012 tại thành phố Hồ Chí Minh, có hiệu lực ngay khi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.

2. Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau, trong đó:

- 01 bản nộp tại Phòng Công chứng số 1 thành phố Hồ Chí Minh,
- 05 bản đăng ký tại các cơ quan chức năng theo qui định của pháp luật,
- 01 bản gửi Bộ Công Thương,
- 01 bản gửi Tập đoàn Hóa chất Việt Nam,
- 02 bản lưu tại Văn phòng Công ty.



3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị mới có giá trị pháp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN - CHÁT DÈO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

VŨ TIẾN DŨNG



PHẠM THẾ ĐỒNG



LUYỆN VĂN SONG

